Số: 937/TB-SYT; 12/10/2026; 22:21:02; +07:00

Mẫu biểu số 75

Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH
9 tháng đầu năm 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày /10/2026)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách Nhà Nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách Nhà Nước;

Cơ quan Văn phòng Sở Y tế tỉnh Ninh Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (9 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**4.500.000.000**	**2.491.850.000**	55%	
1	Lệ phí				
2	Phí	4.500.000.000	2.491.850.000	55%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	0	0		
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**4.500.000.000**	**2.491.850.000**	55%	
1	Lệ phí				
2	Phí	4.500.000.000	2.491.850.000	55%	
B	**Dự toán chi NSNN**	230.163.193.900	195.052.824.112	84%	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	230.163.193.900	195.052.824.112	84%	
1	**Chi quản lý hành chính**	**40.722.774.000**	**18.609.467.068**	**46%**	
1.1	KP giao thực hiện chế độ tự chủ	24.406.900.000	14.242.101.499	58%	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (9 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	KP giao không thực hiện chế độ tự chủ	16.314.817.000	4.367.365.569	27%	
1.3	Quỹ tiền thưởng theo NĐ73	1.057.000.000			
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	113.000.000	35.000.000	30%	
2.1	KP giao thực hiện chế độ tự chủ				
2.2	KP giao không thực hiện chế độ tự chủ	113.000.000	35.000.000	30%	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo**	**13.368.000**			
3.1	KP giao thực hiện chế độ tự chủ				
3.2	KP giao không thực hiện chế độ tự chủ	13.368.000			
4	**Chi sự nghiệp y tế dân số**	**178.659.000.000**	**168.128.315.400**	**94%**	
4.1	KP thực hiện chế độ tự chủ				
4.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	178.659.000.000	168.128.315.400	94%	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**9.493.901.500**	**8.274.674.044**	**87%**	
5.1	KP thực hiện chế độ tự chủ				
5.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	9.493.901.500	8.274.674.044	87%	
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**5.400.000**	**5.367.000**	**99%**	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (9 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.1	KP thực hiện chế độ tự chủ				
6.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	5.400.000	5.367.000	99%	
7	**Chi sự nghệp quốc phòng an ninh**	**99.807.400**			
7.1	KP thực hiện chế độ tự chủ				
7.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	99.807.400			
II	**Nguồn viện trợ**	0			
III	**Nguồn vay nợ**	0			